TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:109/2022/DS-ST Ngày: 26-9-2022. V/v Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản và Đòi lại QSD đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

2. Ông Lê Văn Dài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4, ngày 26 tháng 5, ngày 12 tháng 7, ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp dân sự Ranh giới giữa các bất động sản và Đòi lại quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1964 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V là*: Ông Thái Quang T, luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1968 (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1962 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Trần Văn C1, sinh năm: 1986 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1992 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt);

4. Chị Trần Thị Kim L2, sinh năm: 1982;

5. Anh Trần Văn H, sinh năm: 1972;

6. Chị Trần Thị Kim T, sinh năm: 1984;

7. Anh Trần Văn N, sinh năm: 1989;

8. Anh Trần Quốc H1, sinh năm: 1994;

9. Chị Lê Mộng C1, sinh năm: 1992;

Chị L2, anh H, Chị T, anh N, anh H1, chị C1 ủy quyền cho ông V, theo Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022 (có mặt).

10. Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1960 (có mặt);

11. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1990;

12. Chị Nguyễn Thị Thùy L3, sinh năm: 1995;

13. Chị Châu Thị Kim L4, sinh năm: 1988;

14. Anh Nguyễn Chí T1, sinh năm: 1987;

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Anh T1, chị L3, chị L2, anh T1 cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L, theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2022 (có mặt);

15. Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn N, chức vụ Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Văn Đ, chức vụ phó Chủ tịch, theo Văn bản ủy quyền số 16/GUQ ngày 05/3/2021 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1968 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020 của ông Trần Văn V, tờ tường trình, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử:

- Nguyên đơn ông Trần Văn V và Người có quyền lợi, nghĩa vụ L4 quan chị L2, anh H, Chị T, anh N, anh H1, chị C1 ủy quyền cho ông V, theo Văn bản ủy quyền ngày 11/02/2022 trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Trần Thanh G diện tích 827m^2 gồm các thửa 1685, diện tích 527m^2; Thửa 1416 diện tích 300m^2, cùng tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc ấp B, xã T, được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông G ngày 02/12/1999. Ngày 28/10/2004 ông V nhận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên theo Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số 58 ngày 28/10/2004, tại UBND xã Tân Phú, ngày 01/11/2004 ông V có làm biên nhận viết tay giao số tiền 13.500.000đ cho ông G, ông G giao đất cho ông V canh tác, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn K chỉ ranh đất. Ông V được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 1416, diện tích 300m^2(CLN) và thửa 1685, diện tích

527m^2(ONT), cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã Tân Phú, do UBND huyện cấp ngày 04/01/2005 cho ông Trần Văn V.

Khi ông V nhận chuyển nhượng QSD đất từ ông G có nhờ ông K (Trưởng ấp), ông L là chủ đất giáp ranh chỉ ranh phía trước giáp đường là 13m, phía sau giáp ruộng là 12m đo từ đường nước của Hợp tác xã đo qua chiều dài là 58m, có cấm 05 trụ đá dọc theo ranh đất của ông L. Trong quá trình sử dụng ông V có bơm cát cất nhà gỗ trên trụ đá cặp ranh bên đường nước của Hợp tác xã, phía ranh đất giáp với ông L, ông V cho con ruột là Trần Thị Kim L2 và chồng là Nguyễn Văn H cất nhà tre lá, sau này sửa lại nhà bằng betông, phía sau nhà ông V cho con trai là Trần Văn C1 cất nhà cột cây, lợp tol.

Thành viên hộ gia đình của ông V đang ở trên đất gồm: Ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị C (vợ), anh Trần Văn C1, chị Nguyễn Thị L1, chị Trần Thị Kim L2, anh Trần Văn H, chị Trần Thị Kim T, anh Trần Văn N, anh Trần Quốc H1, chị Lê Mộng C1.

Từ khi ông V nhận chuyển nhượng QSD đất, ranh giới giữa đất ông V và đất ông L có 05 trụ đá làm ranh gồm 01 cây cặp đường lộ, 03 cây kế tiếp cách nhau 03m, cây thứ 5 thì ở cuối cùng sau hậu. Hiện nay ông L nhổ hết 04 cây trụ đá, chỉ còn 01 cây trụ đá phía sau hậu nhưng không đúng vị trí do ông L nhổ và tự trồng lại làm sai lệch ranh không thẳng hàng như trước. Khi ông L căng dây nhổ trụ đá xây dựng hàng rào thì ông V thấy bên phía ông L lấn qua khỏi trụ đá khoảng 0,5m phía trước đường, nên ông V không đồng ý. Diện tích thực tế ông V đang sử dụng đất chiều ngang chỉ còn 12,5m (tH1 0,5m), chiều dài 58m, chiều ngang sau hậu là còn 9,2m (thiếu 2,8m), thiếu diện tích 95,7m^2, thuộc một phần thửa 1416, thửa 1685, cùng tờ bản đồ số 02, do ông V đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Nay ông Trần Văn V yêu cầu hộ ông L phải trả lại diện tích đất là 47,9m^2(Mốc M1, M2, M5, M6 về mốc M1), thuộc thửa 1685, một phần thửa 1416, cùng tờ bản đồ số 02, do ông V đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, theo Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình. Ranh giới QSD đất giữa ông V và ông L xác định ranh từ mốc M1 đến mốc M6.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan anh T1, chị L3, chị L2, anh T1 cùng ủy quyền cho ông L, theo Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2022 và bà Trần Thị Đ cùng trình bày:

Nguồn gốc đất thửa 1682, 1684, 1686, cùng tờ bản đồ số 02, là của ông Khắc K1, nhà nước cấp cho ba vợ tên Trần Văn K2, do ông K2 di dân về vùng kinh tế mới nên được cấp vào năm 1978, ông K2 chia đất cho con tên Trần Văn N1 sử dụng từ năm 1982 đến năm 1985 ông N1 đi bộ đội chết. Ông Trần Hoàng M (anh vợ) kêu ông L về lấy phần đất này sử dụng, nếu không sử dụng thì nhà nước sẽ lấy cấp cho người khác, ông L nhận đất sử dụng từ năm 1988 cho đến nay. Đến khoảng năm 1993, 1994 ông L làm đơn đăng ký, kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 22/01/1994 cho ông L đến nay.

Năm 1988 cất nhà ở loại nhà tre lá, nền lót ván, diện tích 30m^2, năm 1995 thì

sửa chữa lại nhà, loại nhà sàn lót ván, táng nóng, lợp lá, thời gian sau sửa nhà lại lợp tol. Đến năm 2018 xây dựng nhà mới, loại nhà tường cấp 4, diện tích 210m^2 xây dựng trên phần đất thổ thửa 1682 và thửa 1684 loại đất CDK, phần còn lại làm hầm (ao) nuôi cá, xây dựng chuồng heo, hiện nay phần đất hầm đã bơm cát san lấp, trồng một số cây ăn trái, cây bạch đàn. Đối với thửa 1686, diện tích 1.330m^2(2L) đang canh tác lúa 03 vụ. Ông L đăng ký kê khai và dựa trên bản đồ không ảnh, Ủy ban huyện cấp giấy không có đo đạc thực tế. Năm 2018, ông L được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất có đo đạc lại và giữa ông L và ông V thống nhất ranh đất đang sử dụng, không có ai tranh chấp nên mới được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất mới. Giấy chứng nhận QSD đất đã được cấp đổi thành thửa 17, tờ bản đồ số 56, diện tích 1999,8m^2(L); Thửa 79, tờ bản đồ số 56, diện tích 759,6m^2(O, CLN), tọa lạc xã Tân Phú, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 31/10/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn L.

Hộ gia đình của ông L hiện nay đang ở trên đất gồm: Ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Đ (vợ), anh Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thùy L3, chị Châu Thị Kim L2, anh Nguyễn Chí T1.

Trước đó đất giữa ông L và ông V có 03 trụ đá làm ranh, trụ đá phía trước giáp đường, trụ đá giữa đất và trụ đá phía sau hậu. Vào năm 2017 ông L chuẩn bị xây hàng rào, có kêu ông V xác định ranh đất, để ông L xây dựng hàng rào kiên cố, ông V thống nhất cho xây dựng hàng rào từ giữa trụ đá qua phía đất của ông L và xác định hàng rào là ranh của hai bên. Hàng rào có kết cấu gạch phía dưới và lưới B40 phía trên, sau khi xây hàng rào xong ông L nhổ bỏ trụ đá phía trước đường và trụ đá ở giữa đất, hàng rào xây đến hết phần đất chuyên dùng khác giáp với đất lúa, hàng rào kéo thẳng đến trụ đá phía sau đất lúa là ranh giữa 02 bên.

Nay ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Đ yêu cầu: Không thống nhất theo yêu cầu của ông Trần Văn V về việc trả lại QSD đất diện tích là 47,9m^2, thuộc thửa 1685, một phần thửa 1416, cùng tờ bản đồ số 02. Ông Nguyễn Văn L xác định ranh giới QSD đất giữa đất ông V và ông L tại vị trí từ mốc M2 đến mốc M5, theo Sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn pHg đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L2 quan Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình trình bày*: Vắng mặt không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C, anh Trần Văn C1, chị Nguyễn Thị L1* vắng mặt không có ý kiến.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn K trình bày*: Nguồn gốc đất của ông V là do nhận chuyển nhượng từ ông G, còn nguồn gốc đất của ông L không biết. Vào năm 2004 ông K làm trưởng ấp B, có chứng kiến việc ông V giao tiền chuyển nhượng đất cho ông G, căn cứ Biên nhận ngày 01/11/2004 mà ông V cung cấp, chữ ký tên người làm chứng Nguyễn Văn K là do ông K ký tên, ông chứng kiến việc giao tiền nhận chuyển nhượng đất, còn việc thỏa thuận diện tích nhận chuyển nhượng, chiều ngang, chiều dài bao nhiêu thì không biết, không có chứng kiến việc đo đạc xuống ranh giao đất giữa ông V và ông G, các mốc giới QSD đất giữa đất ông V và ông L ở vị trí nào không biết.

- *Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày*: Đối với việc ký tên vào Biên bản mô tả ranh giới mốc giới thửa đất giáp với ông L vào năm 2017, do lâu quá ông V không nhớ rõ là có ký vào biên bản, ông V vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện yêu cầu hộ ông L trả lại QSD đất diện tích đất 47,9m^2 và xác định ranh giới giữa đất ông V và ông L tại mốc M1 đến mốc M6, theo sơ đồ đo đạc.

- *Tại phiên toà ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Đ trình bày*: Không thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông V do thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất ông V và ông L đã thoả thuận ranh đất, ông V cũng thống nhất ký biên bản giáp ranh, hiện nay ông L đã xây dựng hàng rào kiên cố phía trước, phía sau hậu giáp đất ruộng có trụ đá làm ranh. Ông L và bà Đ xác định ranh giới QSD đất giữa đất ông L và đất ông V tại mốc M2 đến mốc M5, theo sơ đồ đo đạc.

- *Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 175 BLDS năm 2015 và Điều 166 Luật đất đai năm 2013, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đất tranh chấp và nơi cư trú bị đơn tại xã T, huyện Thanh Bình, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi có đất tranh chấp và nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của Đ sự: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện người đại diện theo ủy quyền là ông Đ và bà C, anh C1, chị L1; Người làm chứng ông K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà C, anh C1, chị L1 và ông K là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, 229 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Ông V yêu cầu ông L trả lại QSD đất diện tích 47,9m^2 và yêu cầu xác định ranh giới QSD đất thuộc một phần thửa 1416, 1685,

cùng tờ bản đồ số 02 (theo bản đồ địa chính chính quy là thửa 03, tờ bản đồ số 56) của ông V và Thửa 79, thửa 17, tờ bản đồ số 56 của ông L, nên phát sinh tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản và Đòi lại QSD đất. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp quyền sử dụng đất phát sinh năm 2020, nên áp dụng quy định Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Đất đai năm 2013 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Ông V yêu cầu hộ ông L trả lại diện tích đất lấn chiếm là 47,9m^2, thuộc một phần thửa 1416, diện tích 300m^2 (CLN) và thửa 1685, diện tích 527m^2(ONT), cùng tờ bản đồ số 02, tọa lạc xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, được UBND huyện Thanh Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/01/2005 cho ông Trần Văn V và yêu cầu xác định ranh giới QSD đất giữa thửa 1416, 1685 của ông V và thửa đất 17, 79 của của ông L tại vị trí mốc M1 đến mốc M6, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ lời khai của ông V cho rằng ông L sử dụng đất không đúng theo hiện trạng đã được Uỷ ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận QSD đất, ông L tự ý nhổ các trụ đá ranh để xây dựng hàng rào, nhưng không được sự đồng ý của ông V và lấn chiếm diện tích đất của ông V là 47,9m^2. Mặt khác, khi ông L cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2018, ông V không có đồng ý ký biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới với đất của ông L.

Căn cứ lời khai của ông L xác định trước đây giữa đất ông V và ông L có 03 trụ đá làm ranh giữa hai bên, vào năm 2017 ông V và ông L thoả thuận ranh đất, ông L mới xây dựng hàng rào làm ranh và nhổ 02 trụ đá phí trước và trụ đá phía sau hậu giáp đất ruộng vẫn còn giữ y. Năm 2018 ông V thống nhất ký tên vào biên bản xác định ranh giới thửa đất để ông L được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất theo bản đồ chính quy, vì vậy không thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông V.

Căn cứ giấy chứng nhận QSD đất ông V được UBND huyện Thanh Bình cấp ngày 04/01/2005, thửa 1416, diện tích 300m^2(CLN) và thửa 1685, diện tích 527m^2(ONT), cùng tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 827m^2. Căn cứ Sơ đồ đo đạc ngày 11/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, diện tích đất thực tế ông V đang sử dụng là 651,2m^2, còn thiếu 175,8m^2.

Căn cứ Giấy chứng nhận QSD đất ông L được Sở Tài nguyên và Môi trưởng tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 31/10/2018, thửa 17, diện tích 1999,8m^2(L) và thửa 79, diện tích 759,6m^2(O, CLN), cùng tờ bản đồ số 56, tổng diện tích là 2759,4m^2. Căn cứ Sơ đồ đo đạc ngày 11/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, diện tích đất thực tế ông L đang sử dụng là 2633,8m^2, còn thiếu 125,6m^2. Phần đất tranh chấp diện tích 47,9m^2 từ mốc M1, M2, M5, M6 về mốc M1 hiện nay ông L đang sử dụng, phía trước phần đất thổ và cây lâu năm ông L đã xây dựng hàng rào kiên cố, phía sau hậu giáp đất ruộng với ông Tập và ông V có trụ đá làm ranh.

Căn cứ công văn số 530/UBND- HC ngày 09/6/2021 của UBND huyện Thanh Bình cung cấp thông tin, khi xét cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông L và ông V không có đo thực tế. Căn cứ Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất của ông Nguyễn Văn L vào năm 2018 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện cung cấp, thì khi cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất cho ông L, có các chủ đất giáp ranh là ông Trần Văn V, bà Trần Thị Út Nhỏ ký tên đồng ý vào Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/4/2017. Căn cứ Kết luận giám định số 778/KL-KTHS ngày 12/9/2022 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận dấu vân tay cần giám định ký hiệu A với dấu vân tay đứng tên Trần Văn V in trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là dấu vân tay cùng một người.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V không có cơ sở chấp nhận, do đất của ông V và ông L đang sử dụng đều thiếu diện tích so với giấy chứng nhận QSD đất đã được cấp nêu trên. Mặt khác, ông V đã thống nhất ký thỏa thuận xác định ranh giới QSD đất với ông L, căn cứ Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/4/2017, ông L đã xây dựng nhà ở và hàng rào ổn định trên phần đất tranh chấp nêu trên cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ y hiện trạng QSD đất giữa ông V và ông L là phù hợp với quy định tại Điều 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015 "*Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thoả thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*".

[4] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông V không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm: 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) chi phí định giá tài sản, 10.868.000đ (*Mười triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) chi phí đo đạc và 2.355.000đ (*Hai triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) chi phí giám định, tổng cộng là 13.923.000đ (*Mười ba triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng*) ông V đã nộp và chi xong.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu chi phí tố tụng.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Trần Văn V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp.

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Thanh Bình, bà Nguyễn Thị C, anh Trần Văn C1, chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt không có ý kiến yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 229 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 195 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1,3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn V đối với ông Nguyễn Văn L về việc xác định ranh giới giữa các bất động sản và Đòi lại quyền sử dụng đất.

Ranh giới Quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn V, bà Nguyễn Thị C, anh Trần Văn C1, chị Nguyễn Thị L1, chị Trần Thị Kim L2, anh Trần Văn H, chị Trần Thị Kim T, anh Trần Văn N, anh Trần Quốc H, chị Lê Mộng C1 tại thửa 1685, một phần thửa 1416 với Quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Đ, anh Nguyễn Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thùy L3, chị Châu Thị Kim L2, anh Nguyễn Chí T1 tại thửa 17, thửa 79 là đường thẳng nối từ mốc M2 đến mốc M5, đất tại Ấp B, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

Hộ ông Trần Văn V và hộ ông Nguyễn Văn L được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm Biên bản xem xét, thẩm định tại chổ ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; Sơ đồ đo đạc ngày 11/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

2. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần Văn V phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 13.923.000đ (*Mười ba triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn đồng*) ông V đã nộp và chi xong.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu chi phí tố tụng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Văn V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* theo biên lai thu số BI/2019-0006759 ngày 13/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, ông Trần Văn V không phải nộp thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/9/2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện;
- CC THA DS huyện;
- TAND tỉnh;
- CTTĐT Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ